

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 18/2017/HSST

Ngày: 24 – 8 – 2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lư Trường Tây

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Ngọc Anh

Ông Nguyễn Thanh Chắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Nam là Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2017/HSST ngày 11 tháng 7 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2017/HSST-QĐ ngày 11 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh năm: 1966; tại huyện M, tỉnh Hậu Giang; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: ấp 3, xã LT, thị xã A, tỉnh Hậu Giang; Chỗ ở: ấp 07, xã H, huyện M, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Trần Văn TH (chết) và bà Phạm Thị H (chết); Chung sống như vợ chồng với Phan Thị M; Có 02 người con tên Trần Văn L và Trần Minh N; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị bắt ngày 16/5/2017 theo Lệnh truy nã và tạm giam cho đến nay, có mặt.

Người bị hại: Phan Thị M, sinh năm: 1970; Nơi cư trú: ấp 07, xã H, huyện M, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

- Phan Văn B, sinh năm: 1939; Nơi cư trú: ấp 07, xã H, huyện M, tỉnh Hậu Giang là người làm chứng, vắng mặt.

- Nguyễn Thị M, sinh năm: 1941; Nơi cư trú: ấp 07, xã H, huyện M, tỉnh Hậu Giang là người làm chứng, vắng mặt.

- Ngô Ngọc H, sinh năm: 1975; Nơi cư trú: ấp 07, xã H, huyện M, tỉnh Hậu Giang là người làm chứng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T chung sống như vợ chồng với bà Phan Thị M tại ấp 07, xã H, huyện M, tỉnh Hậu Giang. Khi về sống chung bà M có một căn nhà bằng gỗ, mái lá, vách lá, nền lát gạch tàu còn T không có tài sản. Trong quá trình chung sống cùng nhau T và bà M làm thuê dành dụm tiền, đến năm 2013 T và bà M dỡ bỏ căn nhà cũ và làm lại căn nhà mới bằng gỗ, mái lá, vách lá, nền lát gạch tàu trên phần đất cũ và mua sắm các vật dụng sử dụng, sinh hoạt trong gia đình.

Sáng ngày 04/5/2016 T đi làm thuê tại thị xã A đến khoảng 11 giờ cùng ngày nghỉ về nhà nhưng không thấy bà M ở nhà nên T đi tìm gặp bà M ở quán nước gần nhà nên T kêu về nhưng bà M không về, xảy ra cự cãi, T nói “Nếu em không chịu về anh đốt nhà bỏ rồi anh đi”, bà M trả lời “Muốn đốt thì đốt đi” và ở lại quán nước không về nhà. T đi về nhà phá ổ khóa cửa vào nhà lấy quần áo của mình bỏ vào ba lô và lấy bó lá dừa khô đem vào trong buồng để gần sào quần áo và dùng quẹt gas bật lửa đốt bó lá dừa, khi bó lá dừa cháy T đi ra lên xe mô tô của mình bỏ đi. Lửa cháy thiêu rụi toàn bộ căn nhà và các vật dụng bên trong căn nhà gồm:

- Một cái tivi hiệu LG 21 in; Một cái tủ áo bằng gỗ Thau Lau; Một cái tủ ly bằng gỗ Thau Lau; Một cái tủ để bếp gas bằng gỗ Thau Lau; Một cái tủ chén bằng gỗ tạp; Một đầu đọc đĩa CD; Hai thùng bass; Một dàn lướt âm thanh; Một cái bàn Inox (1,8 x 2)m; Một cái ghế Inox; Một chiếc xe đạp; Hai cây quạt điện; Một cái giường ngủ bằng gỗ tạp; Năm cái ghế nhựa nhỏ (loại dựa lưng); Mười cái ghế nhựa loại nhỏ (loại không có dựa lưng); Năm cái bàn nhựa (0,8 x 0,5)m; Một cái bếp gas đôi; Một bếp gas mini; Tiền Việt Nam: 1.000.000 đồng.

Sau khi đốt nhà đến ngày 05/5/2016 Trần Văn T đến Công an huyện Long Mỹ đầu thú, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Mỹ cho T tại ngoại để điều tra. Sau đó Trần Văn T bỏ trốn khỏi đi phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra

Công an huyện Long Mỹ ra Quyết định truy nã. Đến ngày 16/5/2017 bắt được bị can Trần Văn T tại xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Tại Bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá huyện Long Mỹ ngày 26/5/2016 kết luận tổng tài sản bị Trần Văn T hủy hoại ngày 04/5/2016 là 43.012.597 đồng.

Vật chứng vụ án: Không thu giữ, do đã bị đốt cháy.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Phan Thị M và Trần Văn T thống nhất xác định tài sản bị đốt cháy là tài sản có được trong thời gian sống chung với nhau và đồng ý chia đôi số tài sản 43.012.597 đồng + 1.000.000 đồng = 44.012.597 đồng. Do đó, Trần Văn T phải chịu trách nhiệm bồi thường $\frac{1}{2}$ số tiền thiệt hại tương ứng với số tiền 22.006.298,5 đồng.

Tại cáo trạng số 17/QĐ-KSĐT ngày 10/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang đã quyết định truy tố bị cáo Trần Văn T có lý lịch và hành vi phạm tội nêu trên ra trước Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang để xét xử về “Tội hủy hoại tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 143 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo Trần Văn T, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm “Tội hủy hoại tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 143; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/5/2017.

Về phần trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị hại và bị cáo, bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho người bị hại Phan Thị M số tiền là 22.000.000 đồng (*hai mươi hai triệu đồng*).

Về vật chứng: Không có nên không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T thừa nhận hành vi dùng bó lá dừa khô và quẹt gas đốt cháy căn nhà và các vật dụng trong nhà mà bị cáo và bà Phan Thị M tạo lập được trong thời gian sống chung, bị cáo đồng ý chia đôi giá trị tài sản bị thiệt hại và đồng ý bồi thường cho bà Phan Thị M số tiền là 22.000.000 đồng (*hai mươi hai triệu đồng*) theo yêu cầu của bà M. Ngoài ra, bị cáo còn khai nhận có người anh tên Trần Văn Đ là người có công với cách mạng.

Tại phiên tòa, bà Phan Thị M xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 22.000.000 đồng (*hai mươi hai triệu đồng*).

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa,

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên, người bị hại, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Long Mỹ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với các người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm đều không có lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của các người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử, vì trong quá trình điều tra các người làm chứng đã cung cấp lời khai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 192 Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T thừa nhận vào ngày 04/5/2016 có hành vi dùng bó lá dừa khô đem vào buồng dùng quẹt gas bật lửa đốt cháy căn nhà mà bị cáo và bà M cùng tạo lập vào năm 2013 cùng với các vật dụng trong nhà. Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa bị cáo và bà Phan Thị M chung sống với nhau như vợ chồng và quá trình chung sống giữa bị cáo và bà M đã tạo lập được nhiều tài sản và số tài sản này đều đã bị thiệt hại do hành vi của bị cáo gây ra. Quá trình điều tra đã chứng minh được tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 44.012.597. Do bị cáo và bị hại chung sống với nhau như vợ chồng, về quan hệ vợ chồng chưa được pháp luật công nhận, nhưng tài sản của bị cáo và bị hại tạo ra trong thời kỳ sống chung vẫn được giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình và trong quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo và bà M cùng thống nhất chia đôi số tài sản bị thiệt hại. Do đó, hành vi của bị cáo đã gây thiệt hại về tài sản cho bà M với số tiền là 22.006.298,5. Theo quy định tại khoản 1 Điều 143 Bộ luật Hình sự quy định “*Người nào hủy*

hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác gây thiệt hại từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng....thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”. Như vậy, hành vi dùng lá dừa khô và quẹt gas bật lửa đốt cháy căn nhà và các vật dụng trong nhà nhằm mục đích hủy hoại tài sản và hậu quả bà M bị thiệt hại tài sản với số tiền là 22.006.298,5 đã đủ yếu tố cấu thành “Tội hủy hoại tài sản” nên Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố về tội danh cũng như điều khoản áp dụng đối với bị cáo Trần Văn T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này bị cáo Trần Văn T thực hiện hành vi phạm tội nhưng hành vi phạm tội của bị cáo không thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đầu thú, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở nên chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận có người anh tên Trần Văn Đ là người có công với cách mạng. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không đưa ra được chứng cứ để chứng minh lời khai của bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 143 của Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm*”, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bản thân bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và bị cáo cũng có tài sản bị thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nên việc áp dụng hình phạt bổ sung trong trường hợp này đối với bị cáo là không cần thiết nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ gây thiệt hại về tài sản mà còn ảnh hưởng đến cuộc sống của bị hại, gây ảnh hưởng đến tình hình trị an tại địa phương. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, do đó cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân của bị cáo khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử nhận thấy mức án mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra không thu giữ vật chứng nên Hội đồng không xem xét.

[10] Về phân trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra người bị hại Phan Thị M yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 22.006.298,5. Tại phiên tòa bà Phan Thị M yêu cầu bị cáo bồi thường cho bà M số tiền 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng), bị cáo đồng ý theo yêu cầu bồi thường của M. Xét thấy, đây là sự tự thỏa thuận giữa bị cáo và người bị hại và sự thỏa thuận này không vi phạm điều cấm của luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Căn cứ vào Điều 98; Điều 99; điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì quy định án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 200.000đ. Đối với án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 5% trên số tiền bị cáo phải bồi thường cho phía người bị hại Phan Thị M là $22.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.100.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm “Tội hủy hoại tài sản”.

[1.1] Áp dụng khoản 1 Điều 143; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1.2] Xử phạt bị cáo Trần Văn T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/5/2017. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày để đảm bảo thi hành án.

[2] Về vật chứng vụ án: Không có nên không đặt ra xem xét.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bị cáo và người bị hại Phan Thị M. Buộc bị cáo bồi thường cho người bị hại Phan Thị M số tiền 22.000.000 đồng (*hai mươi hai triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 98 và Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 1.100.000 đồng (*Một triệu một trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Nhà Tạm giữ H.Long Mỹ;
- VKSND H.Long Mỹ;
- CCTHADS H.Long Mỹ;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu HSVA, VP.

Lư Trường Tây